

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2022

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ: Thạc sĩ
Ngành: KIẾN TRÚC
Khóa: 2022 – 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 85a/QĐ-ĐHVL, ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Lang)

I. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Thạc sĩ Kiến trúc	
Bậc trình độ theo khung trình độ quốc gia Việt Nam	
Bậc 7	
Đơn vị cấp bằng	Đơn vị giảng dạy
Trường Đại học Văn Lang	Trường Đại học Văn Lang
Khoa quản lý	
Kiến trúc	
Trang thông tin điện tử của khoa	
http://kientruc.vlu.edu.vn	
Tên văn bằng	
Thạc sĩ Kiến trúc	
Mã ngành đào tạo	
8.58.01.01	
Điều kiện tuyển sinh	
Tuyển sinh theo phương thức Xét tuyển	
Thời gian và hình thức đào tạo	

Chương trình	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian bắt đầu áp dụng	Phương thức đào tạo
Thạc sĩ Kiến trúc	18 – 24 tháng	Chính quy tập trung	Tháng 2/2022	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thực tập thực tế
Ngôn ngữ giảng dạy chính				
Tiếng Việt				
Ngôn ngữ dùng để đánh giá				
Tiếng Việt				

2. Chương trình được kiểm định theo tiêu chuẩn của tổ chức

3. Đội ngũ giảng viên và chuyên viên/nhân viên cơ hữu

TT	Học hàm – Học vị	Số lượng				Ghi chú
		Giảng viên cơ hữu	Cán bộ quản lý	Chuyên viên/nhân viên	Tổng cộng	
1	Giáo sư					
2	Phó giáo sư	2				
3	Tiến sĩ	2	3			
TỔNG CỘNG		4	3		7	

4. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- Nhà quản lý, chuyên viên trong các lĩnh vực tư vấn, đầu tư và xây dựng hoặc cung các dịch vụ trong lĩnh vực Kiến trúc – xây dựng tại các tổ chức trong và ngoài nước;
- Cán bộ, chuyên viên tham gia công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực kiến trúc quy hoạch, và xây dựng, đánh giá, thẩm định các hồ sơ quản lý và thiết kế kiến trúc;
- Nhà nghiên cứu, giảng dạy trong các trường cao đẳng, đại học, viện nghiên cứu....

5. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

5a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo
Thông qua học tập trải nghiệm, đào tạo con người có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có đạo đức, có sức ảnh hưởng và đóng góp tích cực cho sự phát triển cá nhân và cộng đồng.
5b. Mục tiêu của CTĐT
Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kiến trúc định hướng ứng dụng đào tạo các chuyên gia trong lĩnh vực kiến trúc có kiến thức ngành, chuyên ngành nâng cao; tăng cường kiến thức liên ngành và kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên môn vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm

việc độc lập, tư duy sáng tạo; có năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc ngành Kiến trúc; có năng lực tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

5c. Chuẩn đầu ra của CTĐT

Kiến thức:

ELO 1	Vận dụng và phân tích các kiến thức chuyên ngành và các nguyên tắc, lý luận chuyên môn trong các công tác nghiên cứu, thiết kế, quản lý, đánh giá và phê bình thuộc lĩnh vực kiến trúc
ELO 2	Phân tích và vận dụng các phương pháp khoa học và phương pháp luận chuyên ngành kiến trúc nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn cũng như có khả năng tiếp tục tham gia nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ;
ELO 3	Phân tích và vận dụng các kiến thức khoa học kỹ thuật và công nghệ mới trong lĩnh vực kiến trúc cũng như các vấn đề bối cảnh thực tiễn có liên quan như kinh tế xã hội, môi trường - phát triển bền vững, quy hoạch và quản lý đô thị trong việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn của lĩnh vực kiến trúc; phù hợp với xu hướng trong nước và thế giới;

Kỹ năng:

ELO 4	Có khả năng phân tích và vận dụng một cách sáng tạo kiến thức lý luận chuyên ngành và sử dụng các phương pháp khoa học nhằm có thể độc lập nghiên cứu, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực kiến trúc;
ELO 5	Có khả năng hiểu biết, phân tích và ứng xử với các tác động qua lại của bối cảnh đa ngành, đa lĩnh vực trong các môi trường hoạt động nghề nghiệp lĩnh vực kiến trúc;
ELO 6	Có khả năng hoạch định chiến lược, xây dựng kế hoạch, tổ chức điều hành, đánh giá, kiểm soát và triển khai thực thi công việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm một cách hiệu quả đối với các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực kiến trúc;
ELO 7	Có kỹ năng giao tiếp, trình bày và báo cáo các kết quả khoa học; phát triển năng lực ngoại ngữ theo chuẩn trình độ do Bộ GDĐT quy định;

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

ELO 8	Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; thường xuyên học tập, nghiên cứu, trải nghiệm thực tế để không ngừng nâng cao kiến thức, năng lực, kỹ năng nghề nghiệp và thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao;
ELO 9	Hoạt động nghề nghiệp một cách chuyên nghiệp, bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có nghĩa vụ bảo vệ truyền thống và thanh danh nghề nghiệp kiến trúc.

5.d. Những đặc điểm khác của CTĐT

i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa (CTĐT có những giải pháp gì để thúc đẩy khả năng quốc tế hóa và khuyến khích sinh viên giao lưu văn hóa?)

- Chương trình trang bị cho học viên những năng lực biết tự học, tự nghiên cứu, thích ứng với môi trường làm việc thực tế, có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đa ngôn ngữ, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.
- Học viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, học viên có thể tham gia các chương trình trao đổi học thuật và văn hóa với các quốc gia trong khu vực. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường truyền thông đa văn hóa, giúp học viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.

ii) Các vấn đề khác (Tính bình đẳng, đa dạng, đầy đủ được tích hợp như thế nào khi thiết kế, xây dựng nội dung và triển khai CTĐT)

- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả học viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.
- Các học phần có giá trị thực tiễn cao, kết hợp chặt chẽ giữa kiến thức và kỹ năng cũng như giữa lý thuyết và thực tiễn tạo điều kiện cho các Học viên có thể vận dụng tốt nhất cho các công việc chuyên môn trong xã hội.

6. Ma trận chức năng (mức độ đóng góp của các học phần cho các eLOs):

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Kiến thức			Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
				ELO 1	ELO 2	ELO 3	ELO 4	ELO 5	ELO 6	ELO 7	ELO 8	ELO 9
1	81PHIL60 13	Triết học	3	N	S	S	S	N	N	N	S	N
2	81MSRE6 023	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	N	H	N	H	S	N	S	S	N
3	81TPCA7 032	Lý thuyết và thực hành kiến trúc đương đại	2	H	S	N	H	S	N	S	S	N
4	81ARSU7 042	Kiến trúc và Thiết kế bền vững	2	H	S	S	H	S	S	N	N	N
5	81BIMA7 052	Mô hình thông tin công trình (BIM) trong thiết kế và quản lý công trình kiến trúc	2	H	N	S	H	S	S	N	N	S
6	81TPCA7 062	Lý luận bảo tồn di sản văn hóa – kiến trúc	2	H	S	S	H	S	N	N	N	S
7	81AADS7 073	Đồ án thiết kế kiến trúc nâng cao	3	H	S	S	H	H	S	S	H	N
8	81UFAT7 083	Đồ án Hình thái đô thị và Kiến trúc	3	H	S	S	H	H	S	S	H	N

9	81VAEC7 092	Tham quan: Phân tích – Đánh giá, phê bình kiến trúc	2	S	H	S	H	S	H	S	S	S
1 0	81TMAC 7102	Lý thuyết tổ hợp không gian kiến trúc hiện đại	2	H	S	S	S	S	N	N	N	N
1 1	81LAAR7 112	Kiến trúc cảnh quan	2	H	S	S	S	S	N	N	N	N
1 2	81RAOA7 122	Mối quan hệ giữa kiến trúc và các ngành nghệ thuật khác	2	S	N	S	S	S	N	N	S	N
1 3	81RASO7 132	Tổ chức không gian kiến trúc môi trường ở	2	H	N	S	S	S	S	N	N	N
1 4	81TPUM7 142	Lý thuyết và ứng dụng Hình thái học đô thị	2	H	S	S	H	S	N	S	N	N
1 5	81URDE7 152	Thiết kế đô thị	2	H	S	S	S	H	N	S	N	N
1 6	81TUSD7 162	Lý luận phát triển không gian đô thị	2	H	N	S	S	S	S	N	N	N
1 7	81UPSO7 172	Tổ chức môi trường dịch vụ công cộng đô thị	2	S	N	S	S	S	S	N	N	N
1 8	81TURP7 182	Lý luận quy hoạch vùng và đô thị	2	S	S	H	S	S	S	N	N	N
1 9	81IMPAC7 192	Quản lý quy hoạch, kiến trúc và xây dựng	2	N	S	H	S	S	S	N	N	N
2 0	81SASD7 202	Kiến trúc bền vững: mô phỏng và thiết kế	2	H	N	S	H	S	S	N	N	N
2 1	81GADA 7212	Công trình xanh: thiết kế và tiêu chuẩn đánh giá	2	S	S	S	H	S	N	N	S	N
2 2	81NTBE7 222	Công nghệ mới trong thiết bị kỹ thuật công trình	2	S	N	S	S	S	S	N	N	N
2 3	81MNCT 7232	Vật liệu và công nghệ xây dựng mới	2	N	N	H	N	S	S	S	S	N
2 4	81DESE7 249	Đề án tốt nghiệp	9	H	H	S	H	H	H	H	H	S

7. Các chương trình và quy định được tham khảo

7.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 7 – thạc sĩ).
- Đối sánh CTĐT với các trường:
 - + Trong nước: Thạc sĩ Ngành Kiến trúc Trường Đại học Kiến trúc Tp.HCM, Trường Đại học Kiến trúc Hà nội, Trường Đại học Huế
 - + Nước ngoài: Thạc sĩ Ngành Kiến trúc Đại học Chulalongkorn, Thạc sĩ Ngành Kiến trúc Đại học Deakin, Trường Đại học

7b. Điều kiện tốt nghiệp

1. Học viên tích lũy đủ tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); đạt yêu cầu ngoại ngữ đầu ra là chứng chỉ B2 (Anh văn) hoặc tương đương.
2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4):
 - Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0
 - Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
 - Khá: từ 2.50 đến 3.19
 - Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

8. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT
8.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Phân bố học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ				BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA				
1	1	81PHIL6013	Triết học	3		45			BB	Không		
2	1	81MSRE6023	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	30	30			BB	Không		
3	1	81TPCA7032	Lý thuyết và thực hành kiến trúc đương đại	2	15	30			BB	Không		
4	2	81ARSU7042	Kiến trúc và Thiết kế bền vững	2	15	30			BB	Không		
5	2	81BIMA7052	Mô hình thông tin công trình (BIM) trong thiết kế và quản lý công trình kiến trúc	2	15	30			BB	Không		
6	3	81TPCA7062	Lý luận bảo tồn di sản văn hóa – kiến trúc	2	15	30			BB	Không		
7	1	81AADS7073	Đồ án thiết kế kiến trúc nâng cao	3	15		60		BB	Không		
8	2	81UFAT7083	Đồ án Hình thái đô thị và kiến trúc	3	15		60		BB	Không		
9	3	81VAEC7092	Tham quan – phân tích, đánh giá và phê bình kiến trúc	2				60	BB	Không		
10	1	81TMAC7102	Lý thuyết tổ hợp không gian kiến trúc hiện đại	2	15	30			TC	Không		
11	1	81LAAR7112	Kiến trúc cảnh quan	2	15	30			TC	Không		
12	2	81RAOA7122	Mối quan hệ giữa kiến trúc và các ngành nghệ thuật khác	2	15	30			TC	Không		
13	2	81RASO7132	Tổ chức không gian kiến trúc môi trường ở	2	15	30			TC	Không		
14	2	81TPUM7142	Lý thuyết và ứng dụng Hình Thái học đô thị	2	15	30			TC	Không		
15	2	81URDE7152	Thiết kế đô thị	2	15	30			TC	Không		

TT	Phân bố học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
16	3	81TUSD7162	Lý luận phát triển không gian đô thị	2		15	30				TC	Không	
17	3	81UPSO7172	Tổ chức môi trường dịch vụ công cộng đô thị	2		15	30				TC	Không	
18	3	81TURP7182	Lý luận quy hoạch vùng và đô thị	2		15	30				TC	Không	
19	3	81MPAC7192	Quản lý quy hoạch, kiến trúc và xây dựng	2		15	30				TC	Không	
20	3	81SASD7202	Kiến trúc bền vững: mô phỏng và thiết kế công trình	2		15	30				TC	Không	
21	3	81GADA7212	Công trình xanh: thiết kế và tiêu chuẩn đánh giá	2		15	30				TC	Không	
22	3	81NTBE7222	Công nghệ mới trong kỹ thuật công trình	2		15	30				TC	Không	
23	3	81MNCT7232	Vật liệu và công nghệ xây dựng mới	2		15	30				TC	Không	
24	4	81DESE7249	Đề án tốt nghiệp	9							BB	Không	

8.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
1	Triết học	3	Chương trình môn Triết học có 4 chương, trong đó, Chương 1 gồm các nội dung về đặc trưng của triết học phương Tây, triết học phương Đông (trong đó có tư tưởng triết học Việt Nam, ở mức giản lược nhất). Chương 2 gồm các nội dung nâng cao về triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó. Chương 3 đi sâu hơn vào quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, làm rõ vai trò thế giới quan và phương

		Nội dung	
TT	Tên môn học/học phần	TC	
			pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và đối với việc nhận thức, giảng dạy và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. Chương 4 phân tích những vấn đề về vai trò của các khoa học đối với đời sống xã hội.
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Học phần giới thiệu bản chất khoa học và các hoạt động NCKH, các lý thuyết về phương pháp sáng tạo, quan điểm tiếp cận đối tượng khoa học, hệ thống lý thuyết về phương pháp và kỹ năng NCKH cũng như phương pháp tổ chức, triển khai một công trình NCKH. Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH và các hoạt động NCKH, từ việc chọn đề tài, lập đề cương, triển khai nghiên cứu, viết báo cáo kết quả và đánh giá kết quả nghiên cứu. Qua đó có thể sáng tạo giải quyết các vấn đề trong thực tiễn công việc chuyên môn một cách khoa học.
3	Lý thuyết và thực hành kiến trúc đương đại	2	Học phần giới thiệu các xu hướng và sự đa dạng của kiến trúc đương đại trên thế giới; phân tích các bối cảnh xã hội, cơ sở lý luận và tiêu chí nhận biết của từng xu hướng tiêu biểu; phân tích bối cảnh Việt Nam cùng tương quan với kiến trúc đương đại thế giới; Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể phân tích và đánh giá được các công trình kiến trúc đương đại và vận dụng sáng tạo trong thực tiễn công tác thiết kế và hành nghề
4	Kiến trúc và Thiết kế bền vững	2	Học phần giới thiệu các yếu tố của môi trường tự nhiên có tác động ảnh hưởng đến công trình kiến trúc, sự tác động của lĩnh vực xây dựng đối với môi trường thiên nhiên; các xu hướng và nguyên tắc thiết kế bền vững. Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể phân tích đánh giá và ứng dụng sáng tạo trong các giải pháp thiết kế kiến trúc bền vững, kiến trúc tiết kiệm và có hiệu quả về năng lượng
5	Mô hình thông tin công trình (BIM) trong thiết kế và quản lý công trình kiến trúc	2	Học phần giới thiệu mô hình thông tin công trình cùng các nguyên tắc cho việc triển khai thiết kế, quản lý quy trình thiết kế và quản lý công trình; Xây dựng mô hình BIM cho Quy trình thiết kế và quản lý thiết kế. Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể phân tích đánh giá và ứng dụng BIM một cách sáng tạo trong thiết kế và hoạt động thực tiễn; người học còn có thể triển khai và thiết lập quy trình quản lý, quản lý công trình một cách hiệu quả bằng công cụ BIM trong công việc hàng ngày, thiết lập quy trình thiết kế, quản lý thiết kế và trong các giải pháp thiết kế kiến trúc bền vững, kiến trúc tiết kiệm và có hiệu quả về năng lượng
5	Lý luận bảo tồn di sản văn hóa – kiến trúc	2	Học phần giới thiệu các vấn đề về lý luận bảo tồn di sản văn hóa nói chung và kiến trúc nói riêng đồng thời xác định các giá trị của chúng đối với xã hội ngày nay, Học viên được tiếp cận cơ sở lý luận và các nguyên tắc bảo tồn di sản kiến trúc thông qua các văn kiện quốc tế về

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			bảo tồn trùng tu đã được UNESCO công nhận cùng các phương pháp và kỹ thuật của chúng, từ đó nghiên cứu, vận dụng trong thực tiễn
6	Đồ án thiết kế kiến trúc nâng cao	3	<p>Học phần giúp các học viên đã từng tham gia và chủ trì các đồ án thiết kế thực tế có cơ hội Khám phá và đánh giá các phương thức và sự biến đổi khoa học công nghệ sự biến đổi của thị trường, qua đó tăng cường tư duy biện luận, nâng cao sáng tạo, từ đó có thể cùng với các định hướng và các công cụ mới cho công tác hành nghề thiết kế;</p> <p>Đồ án đưa ra với từng giai đoạn nghiên cứu và các nhóm được yêu cầu từ mô tả quá trình hình thành và phát triển (transformation), nhận dạng bản sắc và đặc trưng địa phương (local identity) thông qua các phân tích về không gian vật chất và hoạt động cũng như các giá trị về văn hóa xã hội khác gắn liền với nó. Từ đó, qua hiểu biết thực tế quy hoạch xây dựng tại khu vực, vận dụng các lý luận và kỹ năng liên quan để đề xuất các phương án nhằm phát triển các giá trị không gian kiến trúc và đô thị của khu vực đó.</p>
	Đồ án Hình thái đô thị và kiến trúc	3	<p>Học phần thiết lập một chuyên tham quan thực tế tại 1 đô thị cụ thể, trong nước hoặc nước ngoài (tùy thuộc vào yêu cầu thực tiễn của luận văn tốt nghiệp và khả năng tài chính của nhóm học viên). Học viên sử dụng các phương pháp quan sát trực quan, vẽ ghi, thu thập số liệu phân tích để từ đó có thể tiến hành phân tích hình thái, đánh giá và phê bình một công trình kiến trúc hay một cụm công trình thực tế. Học viên cũng được tham gia vào một số báo cáo thuyết trình của các chuyên gia tại địa phương, cùng tham gia hội thảo và phân tích và đánh giá về kiến trúc và đô thị. Qua đó, học viên có thể thu thập các tài liệu, số liệu phục vụ cho luận văn tốt nghiệp, chuẩn bị và thực hành một số phương pháp cần thiết cho luận văn tốt nghiệp.</p>
	Tham quan – phân tích, đánh giá và phê bình kiến trúc	2	<p>Sau khi hoàn thành học phần Học viên có thể phân tích và đánh giá và sử dụng được các ngôn ngữ, từ vựng kiến trúc trong sáng tác kiến trúc; các phương pháp bình luận, đánh giá một tác phẩm kiến trúc nhằm để phát triển kỹ năng phân tích công năng, xử lý công năng linh hoạt để tạo nên các giải pháp kiến trúc sáng tạo; xây dựng phương pháp tư duy và tổ hợp không gian kiến trúc hiện đại.</p>
	Lý thuyết tổ hợp không gian kiến trúc hiện đại	2	<p>Sau khi hoàn thành học phần Học viên có thể phân tích và đánh giá và sử dụng được các ngôn ngữ, từ vựng kiến trúc trong sáng tác kiến trúc; các phương pháp bình luận, đánh giá một tác phẩm kiến trúc nhằm để phát triển kỹ năng phân tích công năng, xử lý công năng linh hoạt để tạo nên các giải pháp kiến trúc sáng tạo; xây dựng phương pháp tư duy và tổ hợp không gian kiến trúc hiện đại.</p>
	Kiến trúc cảnh quan	2	<p>Sau khi hoàn thành học phần Học viên có thể phân tích và đánh giá và sử dụng được các ngôn ngữ, từ vựng kiến trúc trong sáng tác kiến trúc; các phương pháp bình luận, đánh giá một tác phẩm kiến trúc nhằm để phát triển kỹ năng phân tích công năng, xử lý công năng linh hoạt để tạo nên các giải pháp kiến trúc sáng tạo; xây dựng phương pháp tư duy và tổ hợp không gian kiến trúc hiện đại.</p>

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
	Mối quan hệ giữa kiến trúc và các ngành nghệ thuật khác	2	<p>Học phân tích và đánh giá mối quan hệ liên ngành giữa kiến trúc và các ngành nghệ thuật khác như Điêu khắc, Âm nhạc, Hội họa, Múa ... nhằm xác định rõ chuỗi giá trị nghệ thuật giữa tính vật chất của kiến trúc và tính hình tượng của âm thanh, màu sắc, nhịp điệu của những ngành nghệ thuật trên. Qua đó, học viên sau khi tốt nghiệp có thể đánh giá phân tích các thành phần giao thoa, các yếu tố tương tác, nhằm vận dụng sáng tạo trong thực tiễn hành nghề.</p>
	Tổ chức không gian kiến trúc môi trường ở	2	<p>Kiến trúc môi trường ở đô thị, đồng thời phân tích những yếu tố xã hội học đô thị và công nghệ xây dựng đã ảnh hưởng đến đặc điểm của không gian Kiến trúc môi trường ở đô thị như thế nào. Học viên phải nghiên cứu một vấn đề và giải quyết cụ thể của không gian kiến trúc các môi trường ở tại các đô thị lớn Việt Nam; Trên cơ sở những kiến thức nói trên, học phân phát triển các phương pháp quy hoạch và thiết kế kiến trúc các thành phần không gian môi trường ở trong bối cảnh Việt Nam</p>
	Lý thuyết và ứng dụng Hình Thái học đô thị	2	<p>Học phân tích các tiến trình phát triển của đô thị thông qua các biểu hiện hình thái và các giá trị nội sinh của đô thị qua từng giai đoạn, bao gồm các lý luận về cấu trúc đô thị, tương tác giữa các yếu tố không gian đô thị, quy luật phát triển không gian đô thị, những yếu tố tác động đến sự phát triển thay đổi của các hình thái đô thị, người học được phát triển khả năng phân tích hình thái đô thị, phân tích và đánh giá xu hướng phát triển không gian</p>
	Thiết kế đô thị	2	<p>Học phân tích các lý luận, nguyên tắc và phương pháp thiết kế đô thị, phân tích các trường hợp thực tế, phân tích đánh giá quy trình thiết kế đô thị tại VN và thế giới; người học được phát triển khả năng phân tích đánh giá không gian đô thị, tổ chức và triển khai thực hiện các đồ án thiết kế đô thị trong thực tế</p>
	Lý luận phát triển không gian đô thị	2	<p>Học phân tích lý luận về đô thị và sự phát triển không gian đô thị; những quy luật về mối quan hệ giữa thành phần đô thị; cấu trúc và các giải pháp tổ chức không gian đô thị. Thêm vào đó, Học phần này còn phân tích các vấn đề của bối cảnh đô thị tác động vào quá trình hình thành các lý luận về phát triển đô thị, những ứng xử trong giải pháp quy hoạch và phát triển không gian đô thị. Học phần sẽ phát triển kỹ năng học viên trong việc phân tích các vấn đề đô thị và không gian đô thị, nâng các năng lực cần thiết trong công tác quy hoạch và quản lý đô thị.</p>
	Tổ chức môi trường dịch vụ công cộng đô thị	2	<p>Học phân tích bản chất hình thành và phát triển của hệ thống công trình phục vụ công cộng (CTPVCC) đô thị nói chung và các loại hình chức năng phục vụ công cộng (PVCC) đô thị nói riêng trong quá trình phát triển đô thị. Các quy luật hình thành, các yếu tố tác động và</p>

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			nhân tố cấu thành hệ thống CTPVCC đô thị. Qua đó, học viên có thể phân tích, đánh giá các nguyên tắc quy hoạch, thiết kế, bố cục của hệ thống CTPVCC đô thị nói chung và các loại hình chức năng PVCC đô thị nói riêng trong mối quan hệ với kinh tế-xã hội-môi trường đô thị và vận dụng trong thực tiễn.
	Lý luận quy hoạch vùng và đô thị	2	Học phân phân tích các lý thuyết quan trọng của quy hoạch, phân tích sự tiến trình phát triển lý thuyết quy hoạch qua các thời kỳ; từ đó có những phân tích đánh giá các vấn đề và bối cảnh của quy hoạch đô thị và vùng, các phương pháp quy hoạch và thực thi quy hoạch một cách hiệu quả. Qua đó người học có thể vận dụng trong thực tế hành nghề kiến trúc
	Quản lý quy hoạch, kiến trúc và xây dựng	2	Học phân phân tích các vấn đề về lý luận, thực tiễn và pháp lý về quản lý phát triển đô thị, bao gồm quản lý xây dựng, quản lý kiến trúc, quản lý quy hoạch, và quản lý hạ tầng kỹ thuật; qua đó phát triển các thực hành gồm nghiên cứu tình huống quản lý hành chính và quản lý phát triển tại các địa phương trong và ngoài nước, dưới góc độ đối tượng quản lý, công cụ quản lý, mô hình quản lý, và nguồn lực quản lý
	Kiến trúc bền vững: mô phỏng và thiết kế công trình	2	Học phân phát triển kiến thức cơ bản và nâng cao về khoa học công trình (building sciences) và sử dụng các công cụ mô phỏng công trình tiên tiến trong việc phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình nhằm hướng đến thiết kế công trình kiến trúc bền vững, tiết kiệm năng lượng và đáp ứng tiện nghi nhiệt của người sử dụng. Người học được thực hành tính toán các bài toán về năng lượng trong toà nhà, hiểu được mô phỏng công trình và qua đó có thể vận dụng trong thiết kế kiến trúc
	Công trình xanh: thiết kế và tiêu chuẩn đánh giá	2	Học phân phát triển kiến thức lý luận và nguyên tắc thiết kế công trình đảm bảo các tiêu chí công trình xanh về địa điểm bền vững; sử dụng tài nguyên, năng lượng hiệu quả; chiến lược môi trường trong nhà; kiến trúc tiên tiến, bản sắc; tính xã hội – nhân văn bền vững. Bên cạnh đó học phân còn cung cấp khả năng thực hành, nghiên cứu và tham gia đánh giá các công trình theo tiêu chuẩn công trình xanh, một cách tổng thể nguyên lý quy hoạch, thiết kế đến các vấn đề liên quan trong suốt vòng đời công trình; tiến trình thiết kế, xây dựng công trình xanh bắt đầu với quy hoạch và đánh giá mặt bằng tổng thể, và tiếp tục các giai đoạn thiết kế, xây dựng, nghiệm thu, vận hành, và sử dụng
	Công nghệ mới trong kỹ thuật công trình	2	Học phân phát triển những kiến thức nâng cao về các loại thiết bị kỹ thuật công trình, trong đó là vai trò và tầm quan trọng của các loại thiết bị kỹ thuật công trình đến giải pháp thiết kế, thi công và quản lý vận hành công trình kiến trúc. Các công nghệ mới trong thiết bị kỹ thuật

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			<p>công trình đảm bảo một thiết kế bền vững, hiệu quả về mặt môi trường, bền vững và duy trì các yếu tố sử dụng năng lượng trong các tòa nhà. Qua đó đánh giá các giải pháp công nghệ mới cho thiết bị và vật liệu liên quan đến: sưởi ấm, điều hòa, nước, thoát nước và hệ thống ống nước, chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo, mặt tiền tòa nhà, thang cuốn và thang máy, thông gió và làm lạnh, đường dây liên lạc, điện thoại và mạng CNTT, hệ thống an ninh và báo động... nhằm vận dụng vào quá trình thiết kế, quản lý và vận hành công trình kiến trúc</p>
	<p>Vật liệu và công nghệ xây dựng mới</p>	2	<p>Học phần phát triển kiến thức lý luận và nguyên tắc thiết kế công trình đảm bảo các tiêu chí công trình xanh về địa điểm bền vững; sử dụng tài nguyên, năng lượng hiệu quả; chiến lược môi trường trong nhà; kiến trúc tiên tiến, bản sắc; tính xã hội – nhân văn bền vững. Bên cạnh đó học phần còn cung cấp khả năng thực hành, nghiên cứu và tham gia đánh giá các công trình theo tiêu chuẩn công trình xanh, một cách tổng thể nguyên lý quy hoạch, thiết kế đến các vấn đề liên quan trong suốt vòng đời công trình; tiến trình thiết kế, xây dựng công trình xanh bắt đầu với quy hoạch và đánh giá mặt bằng tổng thể, và tiếp tục các giai đoạn thiết kế, xây dựng, nghiệm thu, vận hành, và sử dụng</p>
	<p>Đề án tốt nghiệp</p>	9	<p>Học phần Luận văn được thực hiện qua 2 giai đoạn: Lập đề cương nghiên cứu của luận văn và Thực hiện luận văn; Đề cương là cơ sở ban đầu cho việc thực hiện luận văn tốt nghiệp và là điều kiện tiên quyết để được nhận quyết định giao đề tài và thực hiện luận văn.; Đề cương nghiên cứu xác định lý do chọn đề tài, xem xét tổng quan các vấn đề nghiên cứu, xác định đối tượng, các mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu cho luận văn.</p> <p>Luận văn được thực hiện trên đề cương nghiên cứu được thông quan, Luận văn phải thể hiện được kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn, phương pháp giải quyết vấn đề đã đặt ra. Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý đề tài. Kết quả nghiên cứu công bố trong luận văn phải là những đề xuất riêng của người học, chưa từng được công bố</p>

8.c. Tổ chức thực hiện chương trình và thiết kế đánh giá

i) Giảng dạy và học tập
<ul style="list-style-type: none">- Gặp trực tiếp: giờ lên lớp, giờ trực chuyên môn tại văn phòng khoa;- Gặp gián tiếp thông qua các phương tiện nghe nhìn: trang học trực tuyến;
ii) Tự học và trải nghiệm thực tế
<ul style="list-style-type: none">- Học viên được giảng viên giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo trong thư viện để tự học, tự nghiên cứu. Học viên cũng sử dụng hệ thống học trực tuyến để sử dụng các tài nguyên kỹ thuật số và tạo điều kiện thuận tiện cho việc tự học ngoài lớp.- Các hoạt động thực tập, kiến tập tại các doanh nghiệp tạo cơ hội cho học viên trải nghiệm thực tế.- Vận dụng các kiến thức đã học vào trong các dự án/công trình thiết kế thực tế.
iii) Các phương pháp đánh giá
Tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, dự án, đồ án....

9. Học tập trải nghiệm qua công việc thực tế

9.a. CTĐT có tạo cơ hội học tập qua công việc thực tế hay không? Mục đích của những hoạt động này là gì?
Mục tiêu của các học phần thực hành, thực tập là để giúp học viên có cơ hội trải nghiệm, rèn luyện khả năng xác định vấn đề và giải quyết vấn đề chuyên môn trong thực tế công việc. CTĐT phối hợp với các dự án thực tế của học viên đang thực hiện tại doanh nghiệp, học viên sẽ vận dụng các kiến thức đã học vào các dự án, và trình bày giới thiệu các dự án này trong các buổi seminar của chương trình.
9.b. Trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp là hoạt động bắt buộc hay tùy chọn?
Hầu hết các học viên đều đang làm việc thực tế tại các doanh nghiệp và trực tiếp tham gia thiết kế, nên CTĐT đưa ra các định hướng gắn liền các nội dung đào tạo với hoạt động tại doanh nghiệp
9.c. Tổ chức quản lý các khóa học trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp (nếu có)
Các giảng viên được phân công đánh giá các thiết kế của học viên phù hợp với nội dung các học phần trong CTĐT và tổ chức đánh giá trên các dự án/thiết kế mà học viên đã thực hiện thực tế tại doanh nghiệp.
9.d. Thời gian của học phần thực tập doanh nghiệp/ thực tế (hoặc học kỳ doanh nghiệp, nếu có)

Quá trình thực hiện sẽ diễn ra hàng năm theo kế hoạch của khoa

10. Đóng góp của những người ngoài trường

- Một số học phần thực hành, thực tế và một số hoạt động chuyên môn được giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp bởi các chuyên gia từ các doanh nghiệp ở nhiều lĩnh vực.
- Tùy vào nhu cầu, khoa có kế hoạch hợp tác và mời chuyên gia thực tế giảng dạy các học phần/chuyên đề đặc biệt, họ vẫn đảm bảo tuân thủ phương pháp đánh giá theo quy định để hướng đến đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.

11. Học viên/ Cựu học viên tham gia xây dựng và phát triển CTĐT (Làm thế nào học viên đang học hoặc cựu học viên tham gia vào việc góp ý xây dựng và phát triển CTĐT)

- Thông qua câu việc góp ý trực tiếp trên lớp với GV, góp ý với Khoa/ Viện qua các cuộc học hoặc trực tiếp
- Thông qua việc khảo sát/ phỏng vấn để lấy ý kiến đóng góp của học viên/ cựu học viên cho việc xây dựng CTĐT.
- Thông qua các hoạt động gắn kết với cựu học viên được khoa/ Viện tổ chức họp mặt hàng năm hoặc 2 năm một lần để thu thập ý kiến đóng góp cho CTĐT.

12. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

12.a. Học viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể	
12.b. Học viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể	
12.c. Cơ hội học tiếp tục		
Sau khi tốt nghiệp học viên có thể học tiếp tiến sĩ hoặc tham gia học các ngành Thạc sĩ khác tùy theo lĩnh vực yêu thích và yêu cầu đầu vào của từng ngành		

13. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với môi trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

1. Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;
2. Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo “Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm”;
3. Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB.GV.NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với học viên;
4. Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và CMCN 4.0;
5. Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của học viên và các bên liên quan.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. TRẦN THỊ MỸ DIỆU

TRƯỞNG KHOA

A handwritten signature in black ink, appearing to be "Đỗ Phú Hưng".

TS. ĐỖ PHÚ HƯNG